TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1003/2020/DS-PT
Ngày 29/10/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng độc quyền ca sĩ, diễn viên

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Hồng Nam

*Các Thẩm phán:*Bà Trần Thị Thương

Ông Đào Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, ngày 22/10/2020 và ngày 29/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng độc quyền ca sĩ, diễn viên".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4662/2020/QĐ-PT ngày 03/9/2020, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần N.

Địa chỉ: P.1901 - S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T (Văn bản ủy quyền số 072020/GUQ-V-AMIGO ngày 15/7/2020) và bà Trần Nguyễn Diễm Q (Văn bản ủy quyền 21012017/GUQ-V-AMIGO ngày 21/11/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc C - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Võ Lan T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 1 B, Phường A, Quận A, Tp . (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Kim U (Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2020) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần N trình bày:

Ngày 27/6/2011, Công ty Cổ phần N (Công ty) và bà Nguyễn Võ Lan T1 (bà Lan T1) ký kết Hợp đồng độc quyền ca sĩ, diễn viên số 03/07 HĐ ĐQ CS DV (Hợp đồng số 03/07), có các nội dung chính:

- Nguyên đơn sẽ thực hiện việc đầu tư và quản lý độc quyền trong toàn bộ lĩnh vực hoạt động biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo, phim ảnh, MC… đối với bà Lan T1. Thời hạn Hợp đồng là 05 năm kể từ ngày ký, hết hạn vào ngày 27/6/2016.

- Tiền thù lao được hai bên thỏa thuận chia tỷ lệ % thay đổi theo từng năm trong thời hạn Hợp đồng.

- Trong trường hợp vi phạm hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên B - bà Lan T1 có trách nhiệm bồi thường với số tiền từ 200% đến 600% tổng giá trị mà bên A - nguyên đơn đã đầu tư cho cá nhân và nhóm hát tùy từng thời điểm vi phạm hoặc chấm dứt.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành đầu tư, tư vấn toàn diện cho bà Lan T1 để hoạt động như một ca sĩ chuyên nghiệp trong một nhóm hát có tên là Amigo G gồm 3 thành viên do nguyên đơn đầu tư thành lập. Tuy nhiên sau đó, khi đã được nguyên đơn đầu tư, tư vấn; các kỹ năng, khả năng chuyên môn đã được hoàn thiện và nhận thấy mình đã đủ khả năng hoạt động độc lập, từ thời điểm khoảng tháng 06/2012 bà Lan T1 bắt đầu có thái độ bất hợp tác, liên tục nại nhiều lý do khác nhau để từ chối tiếp xúc làm việc với nhà đầu tư là nguyên đơn cũng như cự tuyệt việc thực hiện phân chia lợi nhuận theo quy định Hợp đồng số 03/07. Sau nhiều nỗ lực giải quyết bất thành vì sự thiếu thiện chí và bất hợp tác của bà Lan T1, khoảng thời gian tháng 10/2012 trong lúc tính đến phương án nhờ pháp luật can thiệp thì bất ngờ nguyên đơn được biết phía bà Lan T1 đã làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 để yêu cầu chấm dứt hợp đồng đã ký với lý do hoàn toàn không có căn cứ là nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng.

Bị đơn cho rằng, nguyên đơn không thực hiện thỏa thuận là không giao, không ký Phụ lục hợp đồng về Bản chiến lược sau 30 ngày ký hợp đồng là không đúng vì: Trước khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã trình bày kỹ và bị đơn đã

hiểu rõ; Sau khi ký hợp đồng cả hai bên đã thực hiện theo nội dung Bản chiến lược, phía nguyên đơn đã tạo một phong cách mới cho bị đơn, đó là trẻ trung, bụi kiểu sinh viên, xây dựng một kế hoạch tổng thể quảng cáo về tên tuổi, hình ảnh cá nhân, thiết kế trang phục biểu diễn, chọn bài hát thể hiện, bài hát thu âm…các bên cũng không có ý kiến gì nên có thể nói các bên mặc nhiên chấp nhận việc áp dụng Bản chiến lược ban đầu trong thực tế. Việc ký kết Phụ lục là ý chí của cả hai bên, bị đơn cho rằng nguyên đơn hoàn toàn có lỗi là phi lý.

Nhóm hát gồm 03 thành viên: Nguyên đơn đã thành lập nhóm và nhóm đã biểu diễn cùng nhau một thời gian từ tháng 7/2011. Đến tháng 3/2012 Ngân Khánh tách nhóm, sau đó Phương T2 cũng rời nhóm là vì các lý do riêng của họ. Việc những người này tách nhóm là ngoài sự điều khiển của nguyên đơn, giữa họ và nguyên đơn đã giải quyết ổn thỏa. Do vậy, việc hai người này tách nhóm là không phải lỗi của nguyên đơn. Về việc phát hành Album: Nguyên đơn đã bàn bạc, thực hiện để phát hành 2 Album là *"Tan mối tình đầu"* và *"Dance Collection"*. Các chi phí đầu tư của nguyên đơn đã thể hiện trong bảng tổng hợp, có sự xác nhận của bị đơn, thực tế, các chi phí còn cao hơn nhiều như việc vận động hành lang, chất xám... nên không thể có những biên nhận cụ thể được. Nguyên đơn phát hành A là đúng quy định, cho đến nay Album vẫn tồn tại trên mạng, không bị ai tranh chấp hay bị cơ quan nào xử lý gì nên bị đơn cho rằng nguyên đơn phát hành lậu là không đúng. Ngoài ra, trong tháng 6/2012 bị đơn có biểu diễn tại VTV6 và Bar 2000 nhưng vẫn chưa giao tiền thù lao cho nguyên đơn như thỏa thuận, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu về khoản tiền này.

Việc phía bị đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhằm né tránh nghĩa vụ phân chia lợi nhuận đã thỏa thuận là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình được quy định tại Hợp đồng và do đó phải chịu trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn theo quy định tại Hợp đồng. Nay, nguyên đơn căn cứ Điều 5 Hợp đồng số 03/07, yêu cầu bà Lan T1 có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền bằng 300% giá trị đầu tư đã thực hiện tương đương 452.542.857 đồng.

Theo nội dung bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Võ Lan T1 trình bày:

Ngày 27/6/2011, bà ký Hợp đồng số 03/07 với nguyên đơn có thời hạn 5 năm. Ngày 18/7/2012, bà gửi đơn yêu cầu chấm dứt hoạt động đến Công ty do nhận thấy hợp đồng đã bị vi phạm. Cụ thể như sau:

- Theo Điều 1 về Sản phẩm phụ: Là thành viên của Nhóm 3 nữ ca sĩ độc quyền gồm: N - P - L. Thực tế Nhóm này chỉ hoạt động trong thời gian ngắn: Từ tháng 6/2011 đến tháng 3/2012 thì Ngân K đã tách nhóm, sau đó khoảng tháng 4/2012 Phương T2 cũng tách nhóm, chấm dứt hợp tác với nguyên đơn và nguyên đơn đã tự ý thay thế bằng nhiều ca sĩ khác. Trong số đó, có những cô gái

chưa hề đứng trên sân khấu biểu diễn chuyên nghiệp hay thậm chí không có khả năng về thanh nhạc. Điều này ảnh hưởng nặng nề đến uy tín và hình ảnh của bà. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm thỏa thuận về Sản phẩm phụ. Từ đây bà cũng phát hiện nguyên đơn không có chức năng quản lý đào tạo, trình độ chuyên môn hay mối quan hệ trong giới nghệ sĩ chuyên nghiệp.

- Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07: Không hề có Bản chiến lược (dự án) nào cho quá trình hoạt động hợp tác với bà. Nguyên đơn cam kết sau 30 ngày ký hợp đồng sẽ có những chuyên gia "sử dụng các phương pháp khoa học ở cấp độ toàn cầu" để đề ra cho bà cụ thể những phương hướng, kế hoạch hoạt động cho mô hình sản phẩm chính là ca sĩ, diễn viên, MC L. Bản chiến lược này nguyên đơn hứa hẹn có giá trị 35.000 Đô la Mỹ, nhưng hơn 01 năm sau vẫn không có bản chiến lược này. Thực tế nguyên đơn chỉ đầu tư cho bà hơn 150.000.000 đồng. Mọi hoạt động với bà đều tự phát, tùy hứng, thiếu chuyên nghiệp dẫn đến hình ảnh của bà bị ảnh hưởng, phong cách và đường hướng không rõ ràng, làm mất rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc mà bà đã xây dựng cho tới khi ký kết với nguyên đơn (lúc bấy giờ bà đã là Top 6 của VietnamIdol năm 2008 và T3 toàn quốc 2010, đã phát hành 01 Album). Khi bà yêu cầu được nguyên đơn trình bày Bản chiến lược này thì nguyên đơn bác bỏ và cho rằng đã trình bày với bà thông qua câu ghi trong hợp đồng là: Mẫu tiêu chuẩn (hình thức) của bản chiến lược (dự án) tổng thể với sản phẩm cá nhân này đã được bên A (nguyên đơn) trình bày với bên B (là bà) rất rõ ràng, cụ thể trước khi ký hợp đồng này. Điều này là sai thực tế do bà chưa hề ký bất kì một văn bản Bản chiến lược cụ thể nào trị giá 35.000 Đô la Mỹ và những gì mà nguyên đơn trình bày chỉ là "mẫu tiêu chuẩn". Trước khi ký hợp đồng thì đại diện nguyên đơn nói là: Bản chiến lược này rất đắt giá nên chỉ khi bà là người của Công ty thì mới tiến hành thực hiện. Như vậy, những gì hứa hẹn trước và sau khi ký hợp đồng đối với bà là không hề thống nhất với nhau.

- Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07: Không phát hành bất kì Album nào sau năm đầu tiên hoạt động: Nguyên đơn đã có hành vi phát hành những ca khúc lậu trôi nổi trên mạng kỹ thuật số đối với giọng ca của bà và không hề ký mua bài hát đối với các tác giả ca khúc. Những bài hát này cũng không xin giấy phép phát hành của Sở Văn hóa Thông tin Thành phố H. Việc này ảnh hưởng đến danh tiếng của bà. Trước khi ký hợp đồng với nguyên đơn, bà đã phát hành một Album chính thức được đánh giá tốt của giới chuyên môn, thông tin báo chí và khán giả mộ điệu. Album này phát hành có đầy đủ giấy tờ cho phép của các tác giả và có dán tem phát hành của Sở Văn hoá Thông tin. Trong khi Công ty chiêu dụ bà về hoạt động, thu 60% thu nhập của bà và không hề đầu tư một sản phẩm mới nào mà lại có hành vi sử dụng không xin phép tác giả khi yêu cầu bà thu âm những ca khúc đã được phát hành hay lấy nhạc nước

ngoài đặt lời Việt. Như vậy, nguyên đơn đã liên tiếp vi phạm các nội dung của Điều 2.1(h), Điều 2.1 (j), ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, thanh danh, tài chính của bà. Nên sau một tháng kể từ ngày thông báo chấm dứt hợp tác, bà đã ngưng mọi hoạt động với nguyên đơn và không được thanh toán những khoản biểu diễn hay hợp đồng quảng cáo kể từ tháng 6/2012.

Trong thời gian hợp tác với nguyên đơn, căn cứ vào bảng lương và sự phân chia thu nhập nguyên đơn hưởng 60%, bà hưởng 40%, bà đã đem về cho nguyên đơn tổng số tiền 360.098.497 đồng (bà chưa lĩnh lương tháng cuối). Trong đó, Công ty hưởng 216.059.098 đồng. Bà xác nhận số tiền 6.000.000 đồng thù lao mà bà tham gia biểu diễn thu được trong tháng 6/2012 chưa thanh toán cho nguyên đơn, nếu nguyên đơn yêu cầu bà sẽ chia theo tỷ lệ thỏa thuận trong hợp đồng.

Do trước đây, bà khởi kiện yêu cầu: Hủy Hợp đồng số 03/07 mà không đòi bồi thường từ phía nguyên đơn. Sau đó bà rút yêu cầu vì thực tế Hợp đồng số 03/07 cũng đã đương nhiên chấm dứt từ 27/6/2016. Nay, bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà phải bồi thường số tiền bằng 300% giá trị đầu tư tương đương số tiền 452.542.857 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần N yêu cầu bà Nguyễn Võ Lan T1 bồi thường 300% số tiền chi phí đã đầu tư cho bà Nguyễn Võ Lan T1 theo Hợp đồng độc quyền ca sĩ, diễn viên số 03/07 HĐ ĐQ CS DV ngày 27/6/2011 là 452.542.857 đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2020, Công ty Cổ phần N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Sau khi ký Hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung thỏa thuận xây dựng hình tượng, tính cách của bà Lan T1 trở thành ca sĩ hiện đại, có xu hướng của chất sinh viên, hồn nhân, mạnh mẽ, mãnh liệt... (đây chính là Chiến lược xây dựng hình ảnh mà Công ty đã thống nhất với bà Lan T1 khi

ký hợp đồng). Công ty đã thực hiện đúng các điều khoản định danh về Sản phẩm phụ đã đưa bà Lan T1 trở thành thành viên của nhóm 3 nữ ca sĩ độc quyền. Sau một thời gian hoạt động, nhóm nhạc này thay đổi thành viên hoàn toàn không phụ thuộc vào sự quyết định của Công ty. Công ty đã bổ sung thành viên khác vào nhóm nhạc, bà Lan T1 đã đồng ý và tiếp tục biểu diễn hơn 30 show diễn.

- Điểm a Điều 6 Hợp đồng số 03/07 quy định điều kiện chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp bà Lan T1 phát hiện Công ty vi phạm hợp đồng thì phải yêu cầu Công ty giải quyết vi phạm đó, sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà Công ty không giải quyết vi phạm đó thì bà Lan T1 mới có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 18/7/2012 trở về trước bà Lan T1 chưa từng yêu cầu Công ty giải quyết bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Hợp đồng số 03/07. Từ khi bà Lan T1 gửi Đơn chấm dứt hợp đồng, Công ty đã nhiều lần phản hồi nhưng bà Lan T1 không có thiện chí.

- Bà Lan T1 cho rằng Công ty không phát hành Album CD là vi phạm hợp đồng là không đúng, bởi vì trong các điều khoản trong Hợp đồng số 03/07 không có điều khoản nào là Công ty phải phát hành Album CD. Vì vậy, Công ty phát hành 02 Album trên nền tảng nhạc số là không sai. Trường hợp Công ty vi phạm bản quyền tác giả thì Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật, cho đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu Công ty thực hiện quyền tác giả hoặc yêu cầu tháo gỡ các bài hát. Trong vụ án này, vấn đề bản quyền tác giả không phải là căn cứ để đơn phương chấm dứt hợp đồng của bà Lan T1.

Vì vậy, Công ty đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, tuyên hủy Hợp đồng 03/07 buộc bà Lan T1 phải bồi thường cho Công ty 300% giá trị đầu tư đã thực hiện tương đương 452.542.875đ.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

- Theo điểm a khoản 1 Điều 2: Nguyên đơn cam kết sau 30 ngày ký hợp đồng sẽ thiết kế, xây dựng một chiến lược, tổng thể phù hợp. Công ty không có Bản chiến lược (dự án) nào cho quá trình hợp tác với bà. Bản chiến lược này nguyên đơn hứa hẹn là có giá trị 35.000 Đô la Mỹ, nhưng hơn 01 năm sau vẫn không có bản chiến lược.

- Về sản phẩm phụ: Là thành viên của Nhóm 3 nữ ca sĩ độc quyền gồm: N - P - L. Thực tế, Nhóm này chỉ hoạt động trong thời gian ngắn từ tháng 6/2011 đến tháng tháng 4/2012, nguyên đơn đã tự ý thay thế bằng ca sĩ khác, trong đó có người chưa hề đứng trên sân khấu biểu diễn chuyên nghiệp, không có khả năng về thanh nhạc.

- Nguyên đơn đã có hành vi phát hành những ca khúc lậu trên mạng khi không ký hợp đồng mua bài hát đối với các tác giả. Những Album này cũng

không xin giấy phép phát hành. Việc này ảnh hưởng đến danh tiếng của bị đơn, bởi trước khi ký hợp đồng với nguyên đơn, bị đơn đã phát hành một Album chính thức được đánh giá tốt của giới chuyên môn, thông tin báo chí và khán giả mộ điệu.

Do đó, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

- Về nội dung: Theo điểm a khoản 1 Điều 2 thì Bản chiến lược tổng thể là phần bắt buộc không thể tách rời của hợp đồng và được thể hiện là một bản phụ lục của hợp đồng sẽ được bổ sung, đính kèm vào hợp đồng sau 30 ngày kể từ ngày ký. Tuy nhiên, cho đến trước ngày 18/7/2012 nguyên đơn không đưa ra Bản chiến lược tổng thể nào. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07. Nguyên đơn phát hành 2 Album là *"Tan mối tình đầu"* và *"Dance Collection"* trên nền tảng kỹ thuật số mà chưa được sự cho phép của tác giả ca khúc là xâm phạm quyền tác giả, chủ sở hữu tác phẩm được quy định trong Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ. Việc phát hành 02 Album vi phạm bản quyền, không xin phép của cơ quan có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến uy tín, thanh danh của bị đơn. Về sản phẩm phụ là thành viên của Nhóm 03 ca sĩ độc quyền gồm: N - P - L. Nhóm này đã hoạt động trong một thời gian đến tháng 4/2020 thì Ngân K và Phương T2 rời nhóm. Việc rời nhóm này không phải do lỗi của nguyên đơn và bị đơn.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần N:

[2.1]. Về thỏa thuận tại Điều 1 về Mô hình hoạt động - kinh doanh: Theo nội dung này thì nguyên đơn đầu tư để bị đơn trở thành ca sĩ, diễn viên đơn, MC do nguyên đơn độc quyền quản lý, chi phối và bị đơn sẽ là thành viên của Nhóm 3 ca sĩ gồm: Ngân Khánh, Phương T2, L: Theo xác nhận của các bên cũng như tài liệu trong hồ sơ thể hiện từ tháng 7/2011 có sự tồn tại của Nhóm hát gồm 03 thành viên là Ngân Khánh, Phương T2, Lan T1. Tuy nhiên đến tháng 3/2012, Ngân K đã rời nhóm và sau đó Phương T2 cũng tách nhóm. Từ tháng 4/2012, bị đơn đã đi hát cùng nhóm với thành viên mới do nguyên đơn bổ sung. Về lý do rời nhóm của ca sĩ Ngân K, Phương T2, đại diện nguyên đơn cho rằng vì các lý do cá nhân, việc rời nhóm là ngoài tầm kiểm soát của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi ký Hợp đồng số 03/07 cả bị đơn và nguyên đơn đã không dự liệu được tình huống này vì trên thực tế, việc hợp, tách của các thành viên của nhóm nhạc phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có ý chí của từng thành viên. Thời điểm ký Hợp đồng số 03/07 chỉ có nguyên đơn, bị đơn tham gia bàn bạc, ký hợp đồng không có sự tham gia của hai thành viên là Ngân K và Phương T2 và cũng không có sự ràng buộc pháp lý rõ ràng nào giữa nguyên đơn, bị đơn với Ngân K và Phương T2 về Nhóm nhạc. Như vậy, có cơ sở xác định: Thỏa thuận tại Điều 1 về Mô hình hoạt động kinh doanh - Sản phẩm phụ chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, dưới 01 năm và không thể tiếp tục được thực hiện sau khi 2 thành viên Nhóm hát là Ngân K và Phương T2 rời nhóm; việc Nhóm nhạc với 3 thành viên như thỏa thuận về Sản phẩm phụ không tồn tại theo thời hạn của hợp đồng không phải lỗi của nguyên đơn cũng như bị đơn. Như vậy, thỏa thuận về Nhóm nhạc là một trong những mục đích, mong muốn để bị đơn xác lập hợp đồng với nguyên đơn, bởi lẽ bị đơn mong muốn được hưởng quyền lợi, danh tiếng khi hát chung nhóm với 2 ca sỹ đã thành danh là Ngân K và Phương T2, nên khi Ngân K, Phương T2 rời nhóm thì mục đích của bị đơn khi giao kết hợp đồng không đạt được. Tuy nhiên, sau khi Ngân K, Phương T2 rời nhóm, nguyên đơn đã bổ sung thành viên khác vào nhóm, bị đơn không phản đối và đã biểu diễn với thành viên mới cho đến khi thông báo chấm dứt hợp đồng.

[2.2]. Về thỏa thuận tại điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07: Nội dung của thỏa thuận này thể hiện: Nguyên đơn sẽ thiết kế, xây dựng 01 Bản chiến lược (kế hoạch tổng thể, dự án) ở tiêu chuẩn chuyên nghiệp, toàn cầu với chi phí ban đầu cho bị đơn với giá trị tương đương 35.000 Đô la Mỹ: Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07 thì: "*Bản chiến lược tổng thể là phần bắt buộc không thể tách rời của hợp đồng này, được thể hiện là một bản phụ lục hợp đồng sẽ được bổ sung, đính kèm vào nội dung của hợp đồng sau 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký*". Hai bên ký Hợp đồng số 03/07 ngày 27/6/2011, hợp đồng có hình thức là văn bản, hai bên đã thỏa thuận sau 30 ngày kể từ ngày ký

hợp đồng sẽ có 01 Phụ lục hợp đồng về Bản chiến lược tổng thể. Phụ lục/Bản chiến lược tổng thể này mô tả cách thức, phương pháp để xây dựng một hình ảnh ca sĩ, diễn viên, MC chuyên nghiệp Lan T1, có ý nghĩa quan trọng như là một cam kết của nguyên đơn, chứa đựng nhiều vấn đề chi tiết, cụ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện ít nhất là 5 năm. Từ khi ký hợp đồng, cho đến khi bị đơn thông báo chấm dứt hợp đồng thì nguyên đơn không đưa ra cho bị đơn bản Phụ lục/Bản chiến lược tổng thể theo như thỏa thuận. Nguyên đơn không thực hiện đúng thỏa thuận tại điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07. Tuy nhiên, điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07 thể hiện: "*Mẫu tiêu chuẩn và hình thức của bản Chiến lược (dự án) tổng thể với sản phẩm cá nhân này đã được bên A trình bày với bên B rất rõ ràng cụ thể trước khi ký hợp đồng này*". Như vậy, tại thời điểm ký hợp đồng, mẫu tiêu chuẩn và hình thức của bản Chiến lược (dự án) đã được nguyên đơn trình bày rõ ràng, cụ thể cho bị đơn trước khi hai bên ký hợp đồng. Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07 thì Phụ lục/Bản chiến lược tổng thể sẽ được thực hiện khi nguyên đơn đưa ra và được sự đồng ý, phản biện của bị đơn. Như vậy, để thực hiện Chiến lược (dự án) tổng thể thì nguyên đơn phải đưa ra Chiến lược (dự án) tổng thể và được sự đồng ý, phản biện của bị đơn. Sau khi ký Hợp đồng số 03/07, nguyên đơn không đưa ra bản Chiến lược (dự án) tổng thể cụ thể nào cho bị đơn, nhưng với mẫu tiêu chuẩn và hình thức bản Chiến lược tổng thể đã được nguyên đơn trình bày rõ ràng, cụ thể trước khi ký hợp đồng và trên thực tế bị đơn đã thực hiện một số nội dung, công việc do nguyên đơn đưa ra như: tạo một phong cách mới cho bị đơn, đó là trẻ trung, bụi kiểu sinh viên, xây dựng một kế hoạch tổng thể quảng cáo về tên tuổi, hình ảnh cá nhân, thiết kế trang phục biểu diễn, chọn bài hát thể hiện, bài hát thu âm… cho đến khi thông báo chấm dứt hợp đồng, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối; có thể nhận thấy bị đơn đã chấp nhận và thực hiện một số nội dung như là một phần của Bản chiến lược tổng thể trên thực tế.

[2.3]. Về thỏa thuận phát hành Album: Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng số 03/07 thì nguyên đơn sẽ đầu tư chi phí để ra Album gồm: Thu âm, mua bài, cover, hòa âm, phối khí, thiết kế, quảng bá, phát hành... Trên thực tế, nguyên đơn đã đầu tư cho bị đơn phát hành 02 Album là *"Tan mối tình đầu"* và *"Dance Collection"* trên nền tảng nhạc số. Trong 02 A đã được phát hành có sử dụng một số ca khúc được bảo hộ theo quy định của pháp luật để truyền đạt đến công chúng qua phương tiện kỹ thuật số, nhưng chưa được sự cho phép của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm hoặc đại diện hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm là vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ. Mặc dù, việc không xin phép tác giả, chủ sở hữu tác phẩm không phải là căn cứ để bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng như thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, việc nguyên đơn phát hành

02 Album trên nền tảng nhạc số có sử dụng ca khúc khi chưa được sự cho phép của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm mà phát sinh tranh chấp hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xử lý sẽ ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng của bị đơn. Tuy nhiên, cho đến nay chưa bị tác giả, chủ sở hữu tác phẩm khởi kiện hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý. Mặt khác, nếu có tranh chấp về quyền tác giả hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xử lý thì sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[2.4]. Về nghĩa vụ của bị đơn khi chấm dứt hợp đồng: Điểm a Điều 6 Hợp đồng số 03/07 quy định về các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong đó "*Một trong hai bên vi phạm hợp đồng mà vi phạm đó không được giải quyết trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên kia có yêu cầu*". Ngày 18/7/2012, bị đơn gửi "Đơn yêu cầu chấm dứt, kết thúc hợp đồng" cho nguyên đơn. Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì sau khi gửi đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng, bị đơn đã chấm dứt hợp tác với nguyên đơn, không thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng sau khi gửi thông báo chấm dứt hợp đồng có nhắn tin, trao đổi với đại diện của nguyên đơn để giải quyết việc chấm dứt hợp đồng, nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện. Như vậy, mặc dù nguyên đơn thực hiện không đúng một số cam kết trong hợp đồng (như phân tích tại mục [2.1], [2.2], [2.3]), nhưng khi chấm dứt hợp đồng thì bị đơn phải thực hiện đúng theo quy định tại điểm a Điều 6 của Hợp đồng số 03/07.

[2.5]. Về yêu cầu chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại. Ngày 18/7/2012, bị đơn gửi "Đơn yêu cầu chấm dứt/kết thúc hợp đồng" cho nguyên đơn và chấm dứt Hợp đồng số 03/07. Hợp đồng số 03/07 có thời hạn 05 năm, từ 12 giờ ngày 27/6/2011 đến hết 12 giờ ngày 27/6/2016. Như vậy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì Hợp đồng số 03/07 cũng đã hết hiệu lực; do đó, không cần thiết phải tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 03/07.

[2.6]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn: Từ phân tích tại mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] thấy rằng: Việc bị đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 03/07 có phần lỗi thuộc về nguyên đơn và cả bị đơn. Xét, trong mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập theo Hợp đồng số 03/07 cũng như trong quá trình thực hiện cho thấy, mặc dù bị đơn có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng việc chấm dứt hợp đồng lỗi phần lớn thuộc về nguyên đơn. Do nguyên đơn có lỗi dẫn đến việc bị đơn chấm dứt Hợp đồng số 03/07 nên không thể căn cứ điểm b Điều 5 Hợp đồng số 03/07 để buộc bị đơn phải bồi thường số tiền bằng 300% giá trị đầu tư ban đầu. Việc xác định thiệt hại phải căn cứ những chi phí mà nguyên đơn đã đầu tư cho bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng. Theo Bản xác nhận đầu tư-ca sĩ Lan T1 thì từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2012 nguyên đơn đã đầu tư cho bị đơn 150.847.619 đồng, số tiền

này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Từ những phân tích trên thấy rằng, cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 40% chi phí mà nguyên đơn đã đầu tư trong thời gian thực hiện hợp đồng.

[2.7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ án là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn kháng cáo và được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường 452.542.857 đồng, được chấp nhận 60.339.048 đồng nên phải chịu án phí theo giá ngạch là 392.203.809 đồng x 5% = 19.610.190 đồng. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 60.339.048 đồng x 5% = 3.016.952 đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần N; buộc bà Nguyễn Võ Lan T1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần N số tiền 60.339.048 đồng (Sáu mươi triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần N buộc bà Nguyễn Võ Lan T1 phải bồi thường số tiền 392.203.809 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, tám trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Công ty Cổ phần N phải chịu 19.610.190 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm mười nghìn, một trăm chín mươi đồng) án phí sơ và được trừ số tiền 20.170.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AD/2011/06788 ngày 08/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần N được nhận lại 559.810 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm mười đồng).

+ Bà Nguyễn Võ Lan T1 phải chịu 3.016.952 đồng (Ba triệu, không trăm mười sáu nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng) án phí sơ thẩm và được trừ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2011/05901 ngày 29/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 2.816.952 đồng (Hai triệu, tám trăm mười sáu nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng).

- *Án phí phúc thẩm:* Công ty Cổ phần N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0029171 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Cục THAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sỹ Hồng Nam